TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	**Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/LĐ-PT

Ngày 09 tháng 8 năm 2018

V/v "Tranh chấp tiền lương"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Chí Trung

Các Thẩm phán: Ông Võ Đình Thắng

Bà Võ Thị Ngọc Dung

-Thư ký phiên tòa*:* Bà Trương Thùy Trang-Cán bộ TAND TP Đà Nẵng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Đà Nẵng*:* Bà Đặng Ngọc Hoài Linh-Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 09 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2018/TLPT-LĐ ngày 08 tháng 6 năm 2018 về *"Tranh chấp tiền lương"* do Bản án sơ thẩm số: 01/2018/LĐ-ST ngày 02 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐ-PT ngày 25 tháng 7 năm 2018 giữa:

-Nguyên đơn: Ông Thái Văn N, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tổ X, phường Đ, quận T, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền ngày 02/10/2017):

Bà Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Tổ X, phường Đ, quận T, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

-Bị đơn: Ông Nguyễn Huy Trường G-Chủ Doanh nghiệp G.

Địa chỉ: Số X, đường K, phường ĐH 2, quận A, thành phố P.

Người đại diện theo ủy quyền (*giấy ủy quyền số: 0818/UQ-MG ngày 27/6/2018).*

Bà Đặng Thị Phương D, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Tổ X, phường B, quận T, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Đoàn Thị Kim O, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Lô X1, đường P-Khu Công nghiệp T, Đà Nẵng, phường Q, quận T, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

-Đại diện nguyên đơn trình bày:

Ông Thái Văn N vào làm việc tại Doanh nghiệp G từ ngày 15/8/2016, thời hạn thử việc là 2 tháng, với mức lương thỏa thuận 4.500.000đ/tháng. Ngày hết hạn thử việc là 15/10/2016.

Trong quá trình làm việc, ông N thấy những quy định của Doanh nghiệp G không phù hợp, ảnh hưởng quyền lợi của mình và không có tương lai nên ông N xin nghỉ việc. Tuy nhiên đến hết ngày 15/10/2016, Doanh nghiệp G yêu cầu kéo dài thời hạn thử việc đến cuối tháng 10/2016 qua đầu tháng 11/2016 cho tiện việc tính lương. Do Doanh nghiệp G trả lương vào ngày 25 hàng tháng, nếu ông N nghỉ việc trước ngày 25 tháng 10 thì sẽ bị giữ tiền lương tháng 9/2016 và 25 ngày của tháng 10/2016 nên ông N phải làm thêm đến hết ngày 25/10/2016.

Sau khi nhận lương tháng 9/2016 ông N thông báo nghỉ việc, Doanh nghiệp G còn nợ tiền lương ông N từ ngày 01/10/2016 đến 25/10/2016, là 25 ngày. Khi nghỉ việc ông N đã để lại sổ nhật ký tại xưởng cơ khí của doanh nghiệp và bàn giao cho bà Đoàn Thị Kim O là nhân viên kho. Ông N không làm mất sổ này, nếu mất

ông đã báo cho doanh nghiệp để cấp lại theo quy định. Mặt khác, trách nhiệm của người sử dụng lao động là phải lập sổ quản lý lao động, sổ lương, nếu doanh nghiệp căn cứ vào sổ nhật ký công việc mới trả lương là không đảm bảo, sổ này chỉ để doanh nghiệp quản lý công việc và tham khảo chính xác cho việc trả lương mà thôi. Khi nhận lương cũng không thấy doanh nghiệp yêu cầu ông N xuất trình sổ nhật ký.

Nay ông N yêu cầu Doanh nghiệp G phải thanh toán tiền lương từ ngày 01/10/2016 đến 25/10/2016 (25 ngày) là 3.634.615đ, cụ thể 4.500.000đ/tháng: 26 ngày làm việc trong tháng = 173.076,923đ/ ngày x 21 ngày = 3.634.615đ.

-Đại diện cho Doanh nghiệp G trình bày:

Ông Thái Văn N và ông Nguyễn Huy Trường G-Chủ Doanh nghiệp G có thỏa thuận tiếp nhận ông N vào làm việc tại Doanh nghiệp G từ ngày 15/8/2016, thời gian thử việc đến ngày 15/10/2016. Ông N được giao vị trí nhân viên kỹ thuật, mức lương thỏa thuận 4.500.000đ/tháng.

Trước khi hết thời hạn thử việc 4 ngày, vào ngày 11/10/2016 doanh nghiệp có thông báo cho ông N về quyết định tiếp nhận ông N là lao động chính thức và đưa 01 bản hợp đồng mẫu để ông N xem trước. Ông N xin thời gian suy nghĩ để đến thỏa thuận và ký hợp đồng. Tuy nhiên đến ngày 26/10/2016 ông N tự ý nghỉ việc mà không báo trước cho doanh nghiệp đồng thời không bàn giao bất cứ sản phẩm nào cho người quản lý cũng như toàn bộ vật tư đã giao để ông thực hiện nhiệm vụ của mình tại doanh nghiệp.

Ngày 08/6/2017 Doanh nghiệp G đã có văn bản mời ông N đến để hoàn tất các thủ tục bàn giao tài sản trước khi nghỉ việc và có cơ sở thanh toán lương cho ông N nhưng ông N không hợp tác. Doanh nghiệp G cho rằng ông N đã vào hợp đồng chính thức kể từ ngày 16/10/2016 vì quyết định tuyển dụng chính thức đã đưa cho ông N.

Việc doanh nghiệp chưa thanh toán tiền lương còn lại nêu trên cho ông N là do ông N làm mất sổ nhật ký nên không có căn cứ tính tiền lương cho ông N.

Nay ông N yêu cầu ông Nguyễn Huy Trường G-Chủ Doanh nghiệp G thanh toán tiền lương còn lại từ ngày 01/10/2016 đến ngày 25/10/2016 là 3.634.615đ, doanh nghiệp không chấp nhận.

Với nội dung trên, án sơ thẩm đã xử và quyết định:

Áp dụng Điều 32; Điểm c, khoản 1, Điều 35; Khoản 1, Điều 39; Điểm đ, khoản 1, Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điểm b, khoản 1, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điểm c, khoản 2, Điều 6 Luật lao động 2013; Điều 15, Điều 16; Khoản 1, Điều 90 Luật lao động 2013; Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thái Văn N đối với ông Nguyễn Huy Trường G-Chủ Doanh nghiệp G.

Buộc ông Nguyễn Huy Trường G-Chủ Doanh nghiệp G phải trả cho ông Thái Văn N số tiền lương còn nợ 21 ngày (1/10/2016 đến 25/10/2016) là 3.634.615đ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Án phí tranh chấp lao động sơ thẩm ông Nguyễn Huy Trường G-Chủ Doanh nghiệp G phải chịu 300.000đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự

Ngày 17 tháng 5 năm 2018, ông Nguyễn Huy Trường G kháng cáo toàn bộ bản án của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa; Sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu; Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Ông Thái Văn N và đại diện cho Doanh nghiệp G, đều xác định: Ông Thái Văn N là lao động thử việc tại Doanh nghiệp G từ ngày 15/8/2016 đến hết ngày 15/10/2016; khi đến hết thời hạn thử việc ngày 15/10/2016 ông N kéo dài thời hạn thử việc đến cuối tháng 10/2016 với mức lương thỏa thuận thử việc là 4.500.000đ/một tháng.

[2] Thực tế là sau khi hết hạn thử việc, ông N mới nhận lương tháng 9/2016 nên yêu cầu Doanh nghiệp G thanh toán số tiền lương thử việc tháng 10/2016, tính từ ngày 25/9/2016 đến ngày 25/10/2016 là: 3.634.615đ.

[3] Đại diện Doanh nghiệp G xác định số tiền lương mà ông N được hưởng như ông N yêu cầu là đúng. Tuy nhiên căn cứ để doanh nghiệp trả lương cho ông N là dựa vào Sổ nhật ký mà doanh nghiệp đã giao cho ông N nhưng ông N đã làm mất Sổ nhật ký nên doanh nghiệp chưa thể trả lương cho ông N được.

[4] Xét thấy: Sổ nhật ký tức là ghi (ký) lại những việc làm trong một ngày (nhật). Theo quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 6 Bộ luật lao động thì người sử dụng lao động có trách nhiệm lập sổ quản lý lao động, sổ lương và không thuộc trách nhiệm của người lao động. Sổ nhật ký không phản ánh năng suất lao động và chất lượng công việc. Đại diện cho Doanh nghiệp G cho rằng về nguyên tắc sổ nhật ký làm căn cứ để tính lương là không đúng với quy định tại khoản 2 Điều 90 Bộ luật lao động. Theo quy định tại khoản 2 Điều 90 Bộ luật lao động thì: *"Tiền lương trả cho người lao động căn cứ vào năng suất lao động và chất lượng công việc"* chứ không phải căn cứ vào Sổ nhật ký do doanh nghiệp tự quy định.

[5] Tại buổi làm việc ngày 09/7/2018, do Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng tiến hành, bà Đặng Thị Phương D, đại diện cho Doanh nghiệp G xác định là sau khi hết thời gian thử việc theo thỏa thuận ban đầu ngày 15/10/2016, ông N vẫn tiếp tục làm việc và đến trưa ngày 26/10/2018 ông N báo nghỉ việc trực tiếp với bà D. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà D xác định là trong thời gian kéo dài thời hạn thử việc, ông N vẫn đến nhận vật tư để làm việc, chấp hành giờ giấc, thái độ lao động bình thường...những điều này chứng tỏ, ông N đã thực hiện đúng thỏa thuận về việc kéo dài thời gian thử việc đến ngày 26/10/2018. Do đó, Doanh nghiệp G phải trả lương thử việc cho ông N theo thỏa thuận mỗi ngày là: 173.076.923đ đối với 21 ngày thử việc là: 3.634.615đ.

Bản án sơ thẩm số: 01/2018/LĐ-ST ngày 02/5/2018 Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng chấp nhận yêu cầu đòi tiền lương của ông Thái Văn N là có cơ sở. Kháng cáo của Doanh nghiệp G không có căn cứ. Cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa.

Tại Thông báo về việc thụ lý vụ án số: 02/TB-TLVA ngày 06/11/2017 Tòa án nhân dân quận T thụ lý yêu cầu *"thanh toán tiền lương"* của ông Thái Văn N, không thụ lý yêu cầu "*đòi tiền cam kết thử việc và tiền cược đồ bảo hộ lao động"* nhưng cấp sơ thẩm nhận định là ông N rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền cam kết thử việc và tiền cược đồ bảo hộ lao động là không có căn cứ và ảnh hưởng đến quyền khởi kiện của ông N đối với các yêu cầu này.

Do không chấp nhận kháng cáo nên Doanh nghiệp G phải chịu án phí phúc thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27, Điều 28; Khoản 2 Điều 29 và Khoản 2 Điều 90 Luật lao động; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1/ Không chấp nhận kháng cáo của Doanh nghiệp G; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 01/2018/LĐ-ST ngày 02/5/2018 Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng.

1.1. Chấp nhận yêu cầu của ông Thái Văn N về việc *"Tranh chấp tiền lương"* đối với ông Nguyễn Huy Trường G-Chủ Doanh nghiệp G.

1.1.1 Buộc ông Nguyễn Huy Trường G-Chủ Doanh nghiệp G phải trả lương thử việc cho ông Thái Văn N, số tiền là: 3.634.615đ.

1.1.2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Thái Văn N yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Nguyễn Huy Trường Giang còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

1. 2. Án phí lao động sơ thẩm, ông Nguyễn Huy Trường G phải chịu 300.000đ.

2/ Án phí lao động phúc thẩm, ông Nguyễn Huy Trường G phải chịu 300.000đ, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí lao động phúc thẩm ông Nguyễn Huy Trường G đã nộp (biên lai thu số: 008738 ngày 23/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Đà Nẵng).

3/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên và được thi hành theo quy định tại Điều 02 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

-VKSND TP Đà Nẵng.

-TAND quận T;

-Chi cục THADS quận T;

-Các đương sự.

-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Chí Trung